TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2017
V/v ly hôn
và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhân.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Công Thương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2016/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; tạm trú tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985; trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định.

- *Người giám hộ của bị đơn:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1960, là mẹ đẻ; trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng phát mâu thuẫn do xích mích trong gia đình, giữa mẹ chồng và con dâu thường xuyên xảy ra cãi vã, bị bố mẹ chồng chửi mắng. Anh H không biết ăn nói bênh vực vợ làm cho quan hệ vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Vào năm 2015, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng không được Tòa án hai cấp tỉnh Nam Định chấp nhận, sau đó vợ chồng cũng không quay về đoàn tụ. Xét thấy vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung, vợ chồng có một con tên là Trần Văn P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2013; chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung của vợ chồng không có.

Theo các bản khai, anh H trình bày thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung và về tài sản. Còn về mâu thuẫn vợ chồng theo anh H trình bày là không có mâu thuẫn. Đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu nên đó có thể là nguyên nhân dẫn đến việc chị T bỏ đi.

Trong thời gian ly thân, sau khi Tòa án hai cấp tỉnh Nam Định xử không chấp nhận đơn ly hôn của chị T, anh đã rất cố gắng cùng bố mẹ vận động chị T và gia đình chị T suy nghĩ lại để chị T quay về với hai bố con anh nhưng đều không thành. Bản thân chị T cũng là người khuyến khuyết không hoàn thiện, nên mọi quyết định của chị T trong việc ly hôn theo anh là không chín chắn.

Anh H xác định rất yêu thương vợ, không muốn cháu P sống trong cảnh thiếu vắng sự chăm sóc của cha hoặc mẹ nên không đồng ý việc ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh H vẫn giữ nguyên ý kiến.

Bà D trình bày, do chị T vụng về trong cách cư xử, bà có trách mắng chị T, vì thế chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Nay bà rất mong muốn chị T quay về chung sống với chồng, con.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T ly hôn anh H. Về con chung: áp dụng Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trần Văn P cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh H là người có khuyết tật về thể chất, không biết chữ, phản ứng chậm chạp, anh H có đề nghị để bà Bùi Thị D, là mẹ đẻ làm người giám hộ cho anh H. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết chỉ định bà Bùi Thị D tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ cho anh H.

[2] Về hôn nhân giữa chị T và anh H, hai người kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L ngày 24 tháng 12 năm 2012, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc hôn nhân này không hạnh phúc, năm 2015 chị T đã làm đơn xin ly hôn anh H, Tòa án hai cấp tỉnh Nam Định đều đã xử không chấp nhận đơn ly hôn của chị T, nhưng sau đó hai người cùng không quay về đoàn tụ. Đến nay, chị T lại tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H. Như vậy, quan hệ hôn nhân này đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh H có một con tên là Trần Văn P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2013, tại tòa hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình để quyết định việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng. Trước tiên là xét nguyện vọng, điều kiện thực tế của bố và mẹ cháu P. Hiện tại, chị T sống cùng với mẹ đẻ, thu nhập hàng tháng của chị từ việc làm cho Công ty Cổ phần môi trường Đ, ngoài thời gian làm việc tại công ty, chị còn đi làm thêm. Còn anh H là người khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng, đang sống cùng với bố mẹ đẻ, ngoài ra thu nhập của anh H từ làm nông nghiệp và chăn nuôi tại gia đình. Xem xét đến hoàn cảnh gia đình ông bà nội, ngoại của cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng.

Chấp nhận yêu cầu của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H.

2. Về con chung:

Buộc anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ giao cháu Trần Văn P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị T phải nộp án phí là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số BB/2012/09429 ngày 20 tháng 01 năm 2017.

Chị T và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Đức Cường

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án ND huyện Mỹ Lộc.